

SỞ GD&ĐT VĨNH PHÚC

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018

TRƯỜNG THPT PHẠM CÔNG BÌNH

MÔN: ĐỊA LÍ - LỚP 12

(Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian giao đề)

Họ, tên thí sinh:..... Lớp:

Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, thảm thực vật ở Trung du miền núi Bắc bộ chiếm diện tích lớn nhất là

- A. rừng trồng.
- B. rừng kín thường xanh
- C. rừng thưa.
- D. trảng cỏ, cây bụi.

Câu 2: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, theo lát cắt A – B, địa hình thấp dần theo chiều nào ?

- A. Tây Bắc – Đông Nam.
- B. Đông Bắc – Tây Nam.
- C. Đông Nam – Tây Bắc.
- D. Tây Nam – Đông Bắc.

Câu 3: Nông nghiệp đang đóng vai trò chính trong hoạt động kinh tế ở vùng kinh tế nào của Nhật Bản?

- A. Xicôcư
- B. Hôcaiđô
- C. Kiuxiu
- D. Hônసు

Câu 4: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, tỉ trọng giá trị sản xuất cây lương thực thay đổi như thế nào trong cơ cấu ngành trồng trọt nước ta từ năm 2000 – 2005?

- A. tăng giảm không ổn định.
- B. giảm chậm.
- C. tăng trở lại .
- D. giảm nhanh.

Câu 5: Cơ cấu giá trị sản xuất thủy sản ở nước ta trong một số năm qua có sự chuyển dịch theo hướng

- A. giảm tỉ trọng khai thác, tăng tỉ trọng nuôi trồng
- B. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng luôn ổn định
- C. tỉ trọng khai thác và nuôi trồng biến động thất thường
- D. tăng tỉ trọng khai thác, giảm tỉ trọng nuôi trồng

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 1995 – 2014

(Đơn vị: triệu USD)

Khu vực	1995	2000	2005	2010	2014
Kinh tế trong nước	7672,4	13893,4	33084,3	42277,2	49037,3
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	6810,3	18553,7	39152,4	72252,0	101179,8
Tổng số	14482,7	32447,1	72236,7	114529,2	150217,1

Từ bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây **không** đúng về giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế ở nước ta trong giai đoạn 1995 – 2014?

- A. giá trị xuất khẩu hàng hóa nước ta tăng nhanh.
- B. giá trị xuất khẩu hàng hóa của hai khu vực trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng.
- C. giá trị xuất khẩu hàng hóa của khu vực trong nước tăng nhanh hơn khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.
- D. giá trị xuất khẩu hàng hóa của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng ngày càng chiếm ưu thế hơn so với khu vực kinh tế trong nước.

Câu 7: Quan sát bảng số liệu sau: Dân số Liên Bang Nga qua các năm (Triệu người)

Năm	1991	1995	1999	2005
Dân số	148,3	147,8	146,3	143

Nhận xét nào sau đây chưa chính xác?

- A. Dân số Liên Bang Nga có xu hướng giảm
 - B. Liên Bang Nga có dân số già
 - C. Số trẻ em sinh ra nhiều
 - D. Tuổi thọ của người dân được nâng cao
- Câu 8:** Quá trình đô thị hóa ở nước ta nảy sinh những hậu quả về các vấn đề
- A. ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự xã hội.
 - B. việc làm, mật độ dân số.
 - C. gia tăng dân số tự nhiên, việc làm.

D. an ninh trật tự xã hội, gia tăng dân số tự nhiên.

Câu 9: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, Bắc Trung Bộ có những khu kinh tế ven biển nào ?

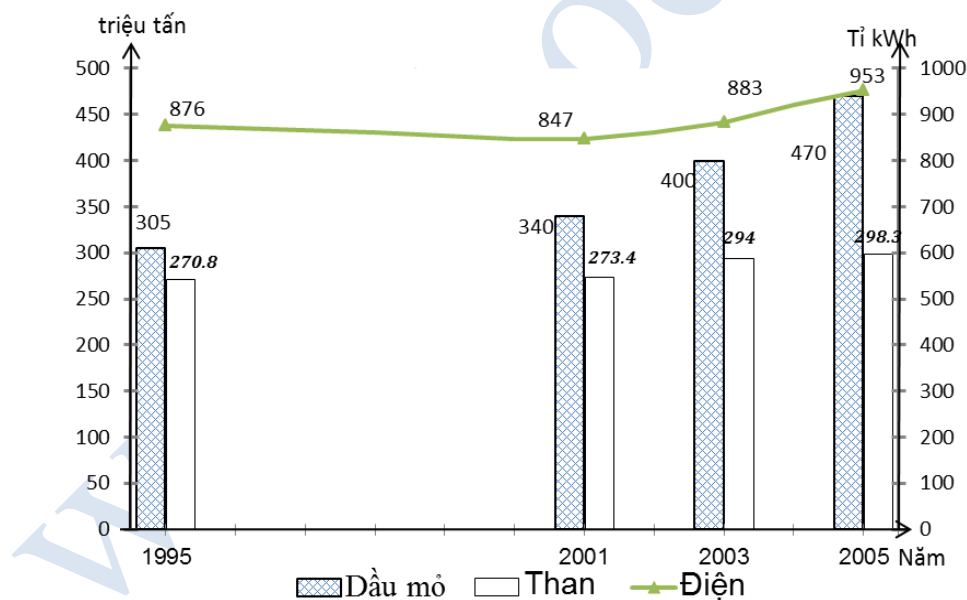
- A. Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Nhơn Hội, Chân Mây – Lăng Cô.
- B. Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây – Lăng Cô.
- C. Nghi Sơn, Đông Nam Nghệ An, Dung Quất, Hòn La, Chân Mây – Lăng Cô.
- D. Nghi Sơn, Chu Lai, Vũng Áng, Hòn La, Chân Mây – Lăng Cô.

Câu 10: Đặc điểm nổi bật về dân cư – lao động của Đồng bằng sông Hồng là

- A. dân số đông nhất cả nước, nguồn lao động dồi dào.
- B. dân số trẻ, gia tăng nhanh.
- C. lao động có trình độ cao nhất cả nước, phân bố không đều.
- D. lao động tập trung chủ yếu ở các thành phố lớn, có trình độ sản xuất.

Câu 11: Cho biểu đồ:

Sản lượng dầu mỏ, than, điện của Liên bang Nga từ 1995-2005



Nhận xét nào sau đây đúng nhất?

- A. Sản lượng than, dầu mỏ, điện có xu hướng tăng.
- B. Sản lượng dầu mỏ tăng, than giảm, điện tăng.
- C. Sản lượng dầu mỏ, than có xu hướng tăng, điện có xu hướng giảm.



D. Sản lượng than, dầu mỏ tăng liên tục, điện tăng nhưng có biến động.

Câu 12: Phương hướng chính để khai thác kinh tế biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đầu tư đội tàu công suất lớn để đánh bắt xa bờ.

B. tạo thế kinh tế liên hoàn (mặt biển-đảo- quần đảo- đất liền).

C. xây dựng các cảng nước sâu, bảo vệ môi trường, đẩy mạnh khai thác dầu.

D. phát triển du lịch biển, đảo.

Câu 13: Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

A. khả năng mở rộng diện tích cây công nghiệp không còn nhiều.

B. cơ sở vật chất kĩ thuật còn hạn chế, đặc biệt việc áp dụng các thành tựu khoa học kĩ thuật tiên tiến trong sản xuất.

C. thị trường thế giới có nhiều biến động, sản phẩm cây công nghiệp nước ta chưa đáp ứng được yêu cầu của các thị trường khó tính.

D. mạng lưới cơ sở chế biến chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển cây công nghiệp.

Câu 14: Một số cảng nước sâu gắn với khu kinh tế cảng biển của vùng Bắc Trung Bộ đang được đầu tư xây dựng và hoàn thiện là

A. Chân Mây, Vũng Áng, Cửa Lò.

B. Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây.

C. Đà Nẵng, Cửa Việt, Thuận An.

D. Vũng Áng, Chân Mây, Vân Phong.

Câu 15: Trình độ thâm canh tương đối thấp, nông nghiệp sử dụng nhiều lao động là đặc điểm của vùng nào sau đây?

A. Bắc Trung Bộ

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Trung du và miền núi Bắc Bộ

D. Tây Nguyên

Câu 16: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, ngành công nghiệp có mặt ở cả 4 trung tâm công nghiệp của Bắc Trung Bộ là

A. chế biến lương thực

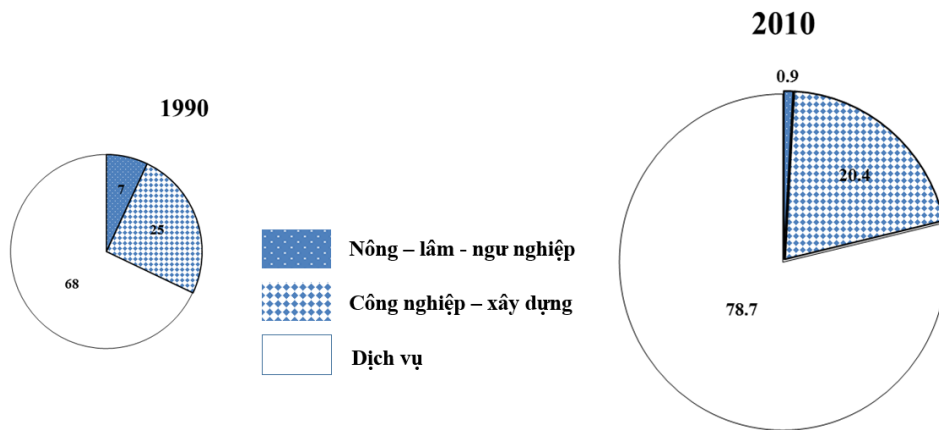
B. vật liệu xây dựng.

C. cơ khí.

D. chế biến lâm sản.

Câu 17: Cho biểu đồ: Cơ cấu GDP của Hoa Kỳ phân theo khu vực kinh tế năm 1990, 2010.

,



Nhận xét nào sau đây là đúng về sự chuyển dịch cơ cấu GDP của Hoa Kỳ giai đoạn 1990-2010?

- A. Tăng tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; giảm tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.
- B. Giảm tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; giảm tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và tăng tỉ trọng dịch vụ.
- C. Giảm tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng; giảm tỉ trọng dịch vụ.
- D. Giảm tỉ trọng nông – lâm - ngư nghiệp; tăng tỉ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ.

Câu 18: Phương hướng trước tiên làm cho lực lượng lao động trẻ ở nước ta sớm trở thành một nguồn lao động có chất lượng là

- A. tổ chức hướng nghiệp chu đáo.
- B. lập nhiều cơ sở giới thiệu việc làm.
- C. mở rộng các ngành nghề thủ công mỹ nghệ.
- D. có kế hoạch giáo dục và đào tạo hợp lí.

Câu 19: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta thay đổi theo hướng

- A. giảm tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm ít thay đổi.
- B. giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm.
- C. giảm tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm, tăng tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm.
- D. giảm tỉ trọng cây công nghiệp lâu năm, tỉ trọng cây công nghiệp hàng năm ít thay đổi.

Câu 20: Sắp xếp theo thứ tự gia nhập ASEAN của các nước trong khu vực Đông Nam Á lần lượt là



- A. Thái Lan, Bru-nây, Việt Nam, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- B. Việt Nam, Thái Lan, Bru-nây, Mi-an-ma và Cam-pu-chia.
- C. Thái Lan, Việt Nam, Cam-pu-chia, Mi-an-ma và Bru-nây.
- D. Thái Lan, Việt Nam, Bru-nây Mi-an-ma và Cam-pu-chia.

Câu 21: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự phân bố dân cư của Hoa Kỳ thay đổi theo hướng từ các bang vùng Đông Bắc đến các bang phía Nam và ven Thái Bình Dương là

- A. khu vực mới có điều kiện khí hậu rất thuận lợi.
- B. khu vực Đông Bắc có mật độ dân số quá cao
- C. để phù hợp với quá trình khai thác lãnh thổ
- D. khu vực mới rất giàu tài nguyên khoáng sản

Câu 22: Cơ quan nào của EU có quyền lực chính trị cao nhất?

- A. Nghị viện châu Âu
- B. Hội đồng châu Âu
- C. Ủy ban liên minh châu Âu
- D. Hội đồng bộ trưởng EU

Câu 23: Giao thông vận tải đường sông nước ta chậm phát triển là do

- A. sự thất thường của chế độ nước sông.
- B. chủ yếu tập trung phát triển một số tuyến sông chính.
- C. khí hậu không thuận lợi.
- D. chậm đổi mới phương tiện và cơ sở vật chất kĩ thuật.

Câu 24: Biển Đông là vùng biển lớn nằm ở phía

- A. Phía Tây Phi-líp-pin và phía Tây của Việt Nam.
- B. Phía Đông Việt Nam và Tây Philippin.
- C. Nam Trung Quốc và Tây Nam Đài Loan.
- D. Phía Bắc của Xin-ga-po và phía Nam Malaysia.

Câu 25: Ở miền khí hậu phía Bắc, trong mùa đông càng về phía tây càng ấm vì

- A. dãy Hoàng Liên Sơn ngăn cản ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc.
- B. nhiệt độ thay đổi theo độ cao của địa hình.
- C. đó là những vùng không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông bắc.



D. nhiệt độ tăng dần theo độ vĩ.

Câu 26: Hạn chế lớn nhất về mặt tự nhiên của tài nguyên khoáng sản nước ta là

- A. ít loại có giá trị.
- B. trữ lượng nhỏ lại phân bố phân tán.
- C. nhiều loại khoáng sản đang bị cạn kiệt.
- D. hầu hết là khoáng sản đa kim.

Câu 27: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết giai đoạn 1995-2007 doanh thu ngành du lịch tăng bao nhiêu lần?

- A. 6.0 lần.
- B. 7.0 lần.
- C. 5.0 lần.
- D. 4.0 lần.

Câu 28: Miền Trung có mưa lệch vào thu đông do

- A. đầu mùa có gió mùa Tây Nam, cuối mùa có gió mùa Đông Bắc.
- B. đầu mùa có gió phơn, cuối mùa có gió hướng Đông Bắc.
- C. đầu mùa có Tín phong bán cầu Bắc, cuối mùa có gió mùa Tây Nam.
- D. đầu mùa có gió phơn, cuối mùa có gió mùa Tây Nam.

Câu 29: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cửa khẩu quốc tế nào của nước ta vừa trên đất liền, vừa giáp biển?

- A. Móng Cái, Hữu Nghị.
- B. Móng Cái, Nậm Cắn.
- C. Móng Cái, Mộc Bài
- D. Móng Cái, Xà Xía.

Câu 30: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, tuyến đường bộ hướng Đông – Tây nào sau đây **không** ở vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Đường số 7.
- B. Đường số 6.
- C. Đường số 8.
- D. Đường số 9

Câu 31: Nguyên nhân nào làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung bị ngập lụt trên diện rộng?

- A. Sông ngắn, dốc, tập trung nước nhanh.
- B. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông ra biển.
- C. Mưa bão lớn, nước biển dâng và lũ nguồn về.
- D. Mực nước biển dâng cao làm ngập vùng ven biển.

Câu 32: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, phần lớn diện tích lưu vực hệ thống sông Mê

Kông của nước ta thuộc hai vùng

- A. Đồng bằng sông Cửu Long và duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long và Bắc Trung Bộ.

Câu 33: Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho cơ cấu ngành công nghiệp nước ta tương đối đa dạng?

- A. Sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp ngày càng sâu.
- B. Nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia sản xuất.
- C. Trình độ người lao động ngày càng được nâng cao.
- D. Nguồn nguyên, nhiên liệu nhiều loại và phong phú.

Câu 34: Cho bảng số liệu sau:

Quy mô và cơ cấu lao động đang làm việc ở nước ta năm 2005 và 2014

Năm	2005	2014
Tổng số (nghìn người)	42 774,9	52 744,5
Nông, lâm, thủy sản (%)	55,1	46,3
Công nghiệp - xây dựng (%)	17,6	21,4
Dịch vụ (%)	27,3	32,3

Để thể hiện quy mô và cơ cấu lao động đang làm việc ở nước ta qua hai năm 2005 và 2014, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột chồng.
- B. Miền.
- C. Tròn.
- D. Kết hợp.

Câu 35: Đông Nam Bộ và Tây Nguyên là hai vùng có thế mạnh tương đồng về

- A. phát triển chăn nuôi gia súc.
- B. khai thác tài nguyên khoáng sản.
- C. khai thác lâm sản.
- D. trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 36: Điểm khác nhau cơ bản giữa miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ; miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là

- A. cấu trúc địa hình và hướng sông ngòi.
- B. chế độ mưa và thủy chế sông ngòi.
- C. cấu trúc địa chất và địa hình.
- D. đặc điểm về khí hậu.

Câu 37: Cho bảng số liệu sau: Tình hình sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản qua các năm

Năm	1965	1975	1985	1988	2000
Diện tích (nghìn ha)	3123	2719	2318	2067	1600
Sản lượng (nghìn tấn)	12585	12235	11428	10128	9600

Nhận xét nào sau đây **không** đúng về tình hình sản xuất lúa gạo ở Nhật Bản qua các năm?

- A. Năng suất lúa gạo của Nhật Bản năm 2000 là 60 tạ/ha.
- B. Lúa gạo là cây lương thực chính của Nhật Bản.
- C. Sản lượng lúa gạo giảm chậm hơn so với diện tích.
- D. Năng suất lúa gạo của Nhật Bản có xu hướng giảm.

Câu 38: Biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên là

- A. thay đổi giống cây trồng, mở rộng diện tích.
- B. nâng cao chất lượng đội ngũ lao động, mở rộng diện tích cây công nghiệp.
- C. xây dựng cơ sở công nghiệp chế biến gắn với vùng chuyên canh.
- D. phát triển mô hình kinh tế trang trại.

Câu 39: Ý nào sau đây **không** phải là nguyên nhân làm cho sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây?

- A. Môi trường biển ngày càng được cải thiện
- B. Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng
- C. Các phương tiện được trang bị ngày càng tốt hơn
- D. Áp dụng tiến bộ kĩ thuật trong bảo quản, chế biến sản phẩm

Câu 40: Sản xuất nông nghiệp hàng hóa ở Trung du miền núi Bắc Bộ còn gặp khó khăn chủ yếu do

- A. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.
- B. thiếu nguồn nước tưới, nhất là vào mùa khô.
- C. thiếu quy hoạch, chưa mở rộng thị trường.



D. thiếu cơ sở chế biến nông sản quy mô lớn.

www.hoc247.net

SỞ GD&ĐT THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG THPT PHÚ BÌNHĐỀ THI HỌC KÌ II NĂM HỌC 2017 - 2018
MÔN ĐỊA LÍ. LỚP 12
Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

Câu 1: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu ở nước ta là

- A. khoáng sản, công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp và nông, lâm thủy sản.
- B. máy móc, thiết bị toàn bộ và hàng tiêu dùng.
- C. sản phẩm công nghiệp ô tô, xe máy và điện tử dân dụng.
- D. sản phẩm luyện kim, cơ khí và thực phẩm.

Câu 2: Căn cứ vào Atlas trang 21, hãy cho biết ngành công nghiệp sản xuất ô tô ở nước ta mới chỉ xuất hiện ở các trung tâm nào?

- A. Tp. Hồ Chí Minh, Vũng Tàu
- B. Hà Nội, Đà Nẵng
- C. Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh
- D. Hà Nội, Hải Phòng

Câu 3: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC CÓ HẠT CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2016

Năm	Diện tích (Nghìn ha)		Sản lượng (Nghìn tấn)	
	Lúa	Ngô	Lúa	Ngô
2010	7 489,4	1 125,7	40 005,6	4 625,7
2016	7 790,4	1 152,4	43 609,5	5 225,6

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về diện tích và sản lượng lương thực có hạt của nước ta, năm 2010 và 2016?

- A. Diện tích lúa tăng chậm hơn ngô
- B. Sản lượng lúa luôn cao hơn
- C. Diện tích ngô luôn nhỏ và tăng chậm hơn lúa
- D. Sản lượng ngô tăng nhanh hơn lúa

Câu 4: Vai trò quan trọng nhất của rừng đặc dụng là

- A. bảo vệ môi trường nước và môi trường đất.
- B. phát triển du lịch sinh thái.



C. bảo vệ hệ sinh thái và các giống loài quý hiếm.
biển và xuất khẩu.

D. nguyên liệu cho công nghiệp chế

Câu 5: Nguồn than ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ chủ yếu phục vụ cho

A. nhiệt điện và xuất khẩu.

B. nhiệt điện và luyện kim.

C. nhiệt điện và hoá chất.

D. luyện kim và xuất khẩu.

Câu 6: Loại cây công nghiệp được trồng phổ biến trên đất badan và đất xám bạc màu trên phù sa cổ của nước ta là

A. chè

B. cà phê

C. cao su

D. hồ tiêu

Câu 7: Vùng có đô thị nhiều nhất nước ta hiện nay

A. Đông Nam Bộ.

B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long

D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 8: Đồng bằng sông Hồng là nơi có mức độ tập trung công nghiệp cao nhất nước được thể hiện ở

A. là vùng có những trung tâm công nghiệp nằm rất gần nhau.

B. là vùng có tỉ trọng giá trị sản lượng công nghiệp cao nhất trong các vùng.

C. là vùng có các trung tâm công nghiệp có quy mô lớn nhất nước.

D. là vùng tập trung nhiều các trung tâm công nghiệp nhất nước.

Câu 9: Vùng Bắc Trung bộ phải hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp vì:

A. vừa có thế mạnh để phát triển trong khi tỉ trọng công nghiệp còn rất thấp so với cả nước.

B. có ý nghĩa lớn đối với sự hình thành cơ cấu chung của vùng.

C. vừa tạo cơ cấu ngành, vừa tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu trong không gian.

D. khai thác thế mạnh sẵn có của vùng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Câu 10: So với Trung du và miền núi Bắc Bộ thì Đồng bằng sông Hồng **không có** đặc điểm nào dưới đây

A. có mùa đông lạnh hơn

B. có tỉ lệ diện tích đất nông nghiệp cao hơn.



C. có số dân đông hơn

D. có kinh tế phát triển hơn.

Câu 11: So với các vùng khác trong cả nước, Bắc Trung Bộ là vùng

A. không chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam.

B. chịu ảnh hưởng của gió phơn Tây Nam mạnh nhất nước ta.

C. chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam mạnh nhất nước ta.

D. chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất nước ta.

Câu 12: Yếu tố chính tạo ra sự khác biệt trong cơ cấu sản phẩm nông nghiệp giữa Trung du và miền núi Bắc Bộ với Tây Nguyên là:

A. điều kiện địa hình.

B. trình độ thâm canh.

C. điều kiện đất đai và khí hậu.

D. truyền thống sản xuất.

Câu 13: Căn cứ vào Atlas trang 10, hãy cho biết tháng đỉnh lũ của các sông Mê Công, sông Hồng và sông Đà Rằng lần lượt là?

A. tháng 11, tháng 8, tháng 10 .

B. tháng 10, tháng 8, tháng 11.

C. tháng 10, tháng 8, tháng 10.

D. tháng 9, tháng 8, tháng 11.

Câu 14: Năng suất lao động trong ngành khai thác thủy sản nước ta còn thấp chủ yếu là do

A. phương tiện khai thác lạc hậu, chậm đổi mới.

B. thời tiết, khí hậu diễn biến thất thường.

C. người dân thiếu kinh nghiệm

D. nguồn lợi cá đang bị suy thoái.

Câu 15: Phát biểu nào sau đây **không đúng** với việc phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Hoạt động chế biến hải sản ngày càng đa dạng, phong phú.

B. Việc nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh.

C. Tập trung đánh bắt gần bờ, hạn chế việc đánh bắt xa bờ.

D. Sản lượng cá biển chiếm phần lớn sản lượng thủy sản của vùng.

Câu 16: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết khu kinh tế của khẩu nào sau

đây **không thuộc** Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tây Trang. B. Cầu Treo. C. Móng Cái. D. Lào Cai.

Câu 17: Sự đa dạng về tài nguyên thiên nhiên ở nước ta là cơ sở để

- A. phát triển công nghiệp với cơ cấu ngành đa dạng.
B. phát triển các ngành công nghiệp nặng.
C. phát triển các ngành công nghiệp nhẹ.
D. phát triển các ngành công nghiệp khai khoáng

Câu 18: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010-2014

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2010	2012	2013	2014
Khu vực kinh tế trong nước	33 084,3	42 277,2	43 882,7	49 037,3
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	39 152,4	72 252,0	88 150,2	101 179,8

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo khu vực kinh tế của nước ta, giai đoạn 2010-2014, theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột. B. Đường. C. Miền. D. Tròn.

Câu 19: Quốc lộ 1 **không** chạy qua vùng kinh tế nào dưới đây?

- A. Đông Nam Bộ B. Tây Nguyên
C. Đồng bằng sông Cửu Long D. Trung du và miền núi Bắc Bộ

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, trung tâm kinh tế có qui mô trên 100 nghìn tỉ đồng của vùng Đông Nam Bộ là

- A. Biên Hòa. B. Vũng Tàu. C. Thủ Dầu Một. D. TP. Hồ Chí Minh.

Câu 21: Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do



- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.
- B. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm.
- C. có nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.
- D. đất feralit trên đá phiến, đá vôi chiếm diện tích lớn.

Câu 22: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho sản lượng lương thực của nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây là:

- A. đẩy mạnh khai hoang, tăng diện tích
- B. đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất
- C. Nhu cầu về lương thực tăng cao
- D. Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất

Câu 23: Hạn chế lớn nhất đối với phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

- A. có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, rét đậm, sương muối.
- B. thiếu nguyên liệu cho phát triển công nghiệp.
- C. dân số quá đông, mật độ dân số cao.
- D. diện tích đất nông nghiệp đang có xu hướng thu hẹp nhanh.

Câu 24: Nguồn năng lượng nào sau đây chưa được khai thác để sản xuất điện ở nước ta?

- A. Thủy năng
- B. Than
- C. Khí đốt
- D. Địa nhiệt

Câu 25: Đặc điểm **không đúng** về ngành công nghiệp trọng điểm là

- A. có thể mạnh lâu dài cả về tự nhiên và kinh tế- xã hội.
- B. mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội
- C. sử dụng nhiều loại tài nguyên thiên nhiên với quy mô lớn.
- D. thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển.

Câu 26: gió mùa Đông Bắc khi đến vùng Bắc Trung Bộ

- A. đã bị suy yếu, không còn ảnh hưởng tới vùng.
- B. vẫn còn ảnh hưởng khá mạnh
- C. chỉ làm ảnh hưởng tới các khu vực núi cao.
- D. chỉ làm ảnh hưởng tới khu vực ven biển.

Câu 27: Căn cứ vào Atlat trang 9, hãy cho biết khu vực nào chịu ảnh hưởng của gió Tây khô



nóng rõ nét nhất ở nước ta?

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Duyên hải Nam Trung Bộ
- C. Tây Bắc
- D. Bắc Trung Bộ

Câu 28: Căn cứ vào Atlas trang 11, hãy cho biết phần lớn diện tích đất mặn ở nước ta tập trung ở vùng nào?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Đồng bằng sông Hồng.
- C. Duyên hải miền Trung.
- D. Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 29: Duyên hải Nam Trung Bộ có lợi thế để phát triển nền kinh tế mở vì

- A. có nhiều vũng vịnh thuận lợi xây dựng các cảng nước sâu
- B. vị trí tiếp giáp với Campuchia
- C. có quốc lộ 1 xuyên suốt các tỉnh.
- D. do tiếp giáp với vùng Tây Nguyên rộng lớn

Câu 30: Trong nghề cá, Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do

- A. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
- B. có nhiều ngư trường rộng.
- C. có các dòng biển gần bờ.
- D. bờ biển có các vũng, vịnh, đầm phá.

Câu 31: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam là

- A. Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn
- B. Cố đô Huế, vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, Phố cổ Hội An
- C. Vịnh Hạ Long, Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng
- D. Phố cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn, Vịnh Hạ Long

Câu 32: Ý nào sau đây **không** thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ ở nước ta?

- A. Tạo sự phân công lao động theo ngành.
- B. Hình thành các vùng kinh tế động lực.
- C. Hình thành các vùng chuyên canh, khu công nghiệp.
- D. Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm.



Câu 33: Căn cứ vào Atlas trang 15, hãy cho biết đô thị nào có quy mô dân số từ 200 001 - 500 000 người?

- A. Biên Hoà B. Đà Nẵng C. Cần Thơ D. Hạ Long

Câu 34: Khoáng sản phi kim loại Apatit ở Lào Cai chủ yếu được sử dụng để

- A. sản xuất thuốc trừ sâu. B. sản xuất phân bón.
C. sản xuất chất đốt. D. sản xuất vật liệu xây dựng.

Câu 35: Căn cứ vào Atlas trang 12, hãy cho biết vườn quốc gia nào **không thuộc** vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Phú Quốc B. Tràm Chim C. U Minh Thượng D. Lò Gò - Xa Mát

Câu 36: Ý nào sau đây **không phải** là đặc điểm dân số của Đồng bằng sông Hồng?

- A. Người lao động có kinh nghiệm và trình độ sản xuất
B. Là vùng đông dân nhất nước ta.
C. Có nguồn lao động dồi dào.
D. Phần lớn dân số sống ở thành thị.

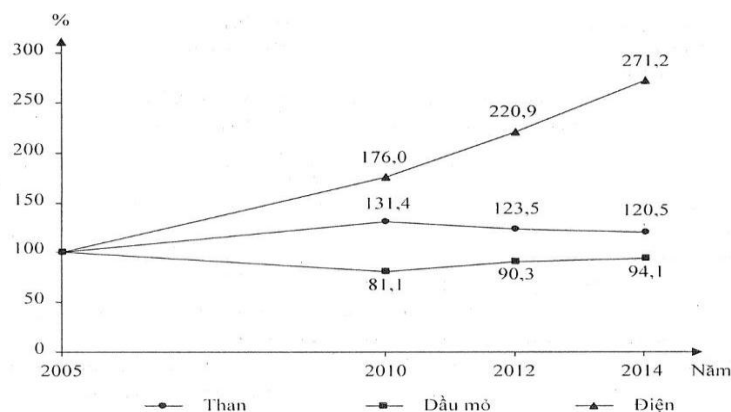
Câu 37: Đặc điểm nào dưới đây **không phải** của nguồn lao động nước ta?

- A. Chất lượng lao động ngày càng được nâng cao.
B. Nguồn lao động dồi dào, cần cù, sáng tạo.
C. Có kinh nghiệm sản xuất tích lũy qua nhiều thế hệ.
D. Đội ngũ cán bộ quản lí, công nhân lành nghề phong phú.

Câu 38: Ở Việt Nam hiện nay, thành phần giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế là

- A. kinh tế cá thể. B. kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
C. kinh tế Nhà nước D. kinh tế ngoài Nhà nước

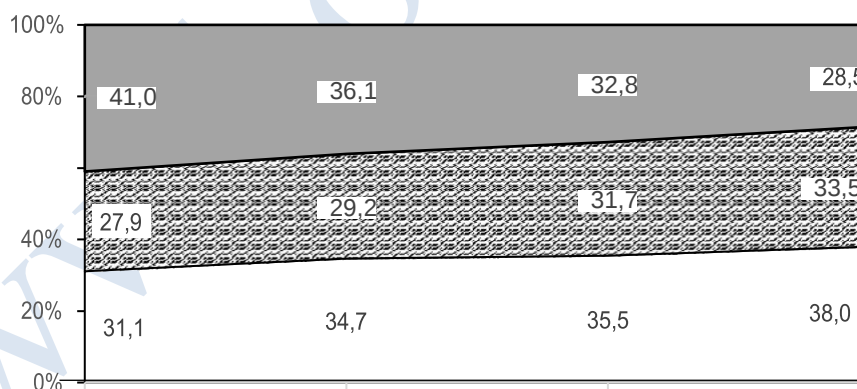
Câu 39: Cho biểu đồ:



TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG SẢN LƯỢNG THAN, DẦU MỎ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005-2014

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây đúng với tốc độ tăng trưởng sản lượng than, dầu mỏ và điện của nước ta, giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Điện tăng trưởng nhanh nhất và liên tục.
- B. Dầu mỏ tăng trưởng chậm nhất và liên tục.
- C. Điện, than và dầu mỏ đều tăng rất nhanh.
- D. Than không ổn định và luôn thấp nhất.



Câu 40. Cho biểu đồ:

2012 2013 2014 2015 Năm

CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO NHÓM HÀNG, GIAI ĐOẠN 2012-2015

- Hàng nông, lâm, thủy sản và hàng khác
- ▨ Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp



Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa phân theo nhóm hàng, giai đoạn 2012-2015?

- A. Hàng nông, lâm, thủy sản và hàng khác giảm, hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng.
- B. Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, hàng công nghiệp nặng và khoáng sản đều tăng.
- C. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng nhiều hơn hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.
- D. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng nhiều hơn số giảm của hàng nông, lâm, thủy và hàng khác.

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KIỂM TRA HỌC KÌ II LỚP 12

BÌNH THUẬN

Năm học: 2017 – 2018

Môn: ĐỊA LÍ

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian làm bài: 50 phút

Họ và tên học sinh:..... SBD:

Câu 1: Ngành nào sau đây **không phải** là ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?

- A.** Năng lượng. **B.** Dệt- may. **C.** Cơ khí- điện tử. **D.** Luyện kim.

Câu 2: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN, DẦU MỎ, ĐIỆN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2000 - 2015

Năm	2000	2005	2010	2015
Than đá (triệu tấn)	11,6	34,1	44,8	41,6
Dầu mỏ (triệu tấn)	16,3	18,5	15,0	18,7
Điện (tỉ kWh)	26,7	52,1	91,7	157,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2017)

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sản lượng than, dầu mỏ và điện của nước ta giai đoạn

2000 - 2015?

- A.** Điện tăng nhanh nhất. **B.** Dầu mỏ tăng liên tục.
C. Than đá tăng chậm nhất. **D.** Dầu mỏ tăng nhanh hơn than.

Câu 3: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, hãy cho biết nhận xét nào sau đây đúng với sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp cả nước phân theo nhóm ngành năm 2000 - 2007?

- A.** Giảm tỉ trọng công nghiệp chế biến.
B. Công nghiệp khai thác tăng tỉ trọng.
C. Tăng tỉ trọng công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí, nước.
D. Công nghiệp chế biến luôn chiếm tỉ trọng lớn nhất.

Câu 4: Ở Trung du và miền núi Bắc Bộ, tỉnh nào sau đây thuộc Đông Bắc?

- A. Hòa Bình. B. Quảng Ninh. C. Sơn La. D. Điện Biên.

Câu 5: Cho bảng số liệu:

SỐ LƯỢT HÀNH KHÁCH VẬN CHUYỂN PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2014.

(Đơn vị: triệu lượt người)

Năm	Đường sắt	Đường bộ	Đường thủy	Đường hàng không
2005	12,8	1 173,4	156,9	6,5
2010	11,2	2 132,3	157,5	14,2
2014	12,0	2 863,5	156,9	24,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

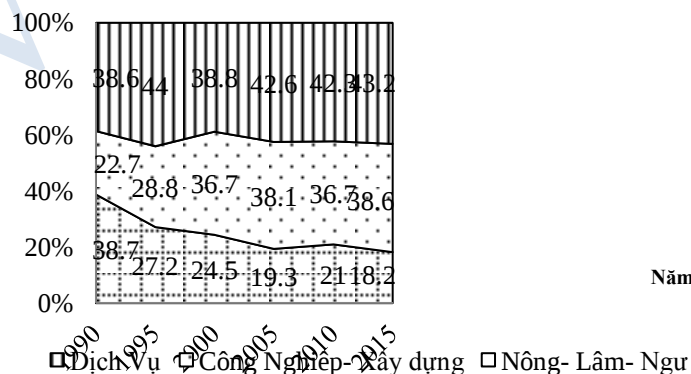
Nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi số lượt hành khách vận chuyển phân theo ngành vận tải của nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Đường thủy giảm liên tục. B. Đường hàng không tăng liên tục.
C. Đường bộ có xu hướng giảm. D. Đường sắt tăng liên tục.

Câu 6: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất công nghiệp từ trên 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hà Nội. B. Hải Phòng. C. Bắc Ninh. D. Nam Định.

Câu 7: Cho biểu đồ về GDP phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1990 - 2015.



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tình hình phát triển GDP phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1990 - 2015.
- B. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1990 - 2015.
- C. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1990 - 2015.
- D. Quy mô và cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế nước ta giai đoạn 1990 - 2015.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây đúng với quá trình đô thị hoá ở nước ta?

- A. Trình độ đô thị hoá thấp.
- B. Quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh.
- C. Đô thị phân bố đều giữa các vùng.
- D. Tỷ lệ dân thành thị giảm.

Câu 9: Nhân tố chủ yếu nào sau đây làm cho cơ cấu ngành công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm nước ta đa dạng?

- A. Giao thông vận tải khá hoàn chỉnh.
- B. Đội ngũ lao động có trình độ chuyên môn cao.
- C. Nguồn nguyên liệu tại chỗ phong phú.
- D. Nhiều thành phần kinh tế tham gia.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết trung tâm du lịch nào sau đây **không phải** là trung tâm quốc gia?

- A. Đà Nẵng.
- B. Nha Trang.
- C. Hà Nội.
- D. Huế.

Câu 11: Đặc điểm kinh tế- xã hội nào sau đây **không đúng** với Đồng bằng sông Hồng?

- A. Năng suất lúa cao nhất nước.
- B. Mật độ dân số cao nhất nước.
- C. Sản lượng lúa lớn nhất cả nước.
- D. Có lịch sử khai thác sớm nhất.

Câu 12: Nhân tố kinh tế- xã hội nào sau đây đang có tác động tích cực nhất tới sự phát triển ngành thủy sản nước ta?

- A. Tàu thuyền, ngư cụ.
- B. Chính sách của nhà nước.
- C. Kinh nghiệm của người dân.
- D. Nhu cầu của thị trường.

Câu 13: Trục đường xuyên quốc gia thứ hai có ý nghĩa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở phía tây nước ta là

- A. quốc lộ 1.
- B. đường Hồ Chí Minh.
- C. quốc lộ 14.
- D. quốc lộ 26.

Câu 14: Cây trồng chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu ngành trồng trọt của nước ta là



- A. cây rau đậu. B. cây ăn quả. C. cây lương thực. D. cây công nghiệp.

Câu 15: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** với số khách du lịch và doanh thu từ du lịch của nước ta giai đoạn 1995 - 2007?

- A. Khách quốc tế tăng liên tục. B. Khách nội địa nhiều hơn khách quốc tế.
C. Khách nội địa giảm liên tục. D. Doanh thu từ du lịch tăng liên tục.

Câu 16: Đặc điểm nào sau đây là thế mạnh tự nhiên để xây dựng các nhà máy thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Chế độ nước sông theo mùa. B. Các cao nguyên có mặt bằng rộng.
C. Sông lớn chảy trên địa hình dốc. D. Lượng mưa phân bố đều trong năm.

Câu 17: Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng theo hướng

- A. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II và III.
B. tăng tỉ trọng khu vực I và II, giảm tỉ trọng khu vực III.
C. tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II và III.
D. giảm tỉ trọng khu vực I và III, tăng tỉ trọng khu vực II.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, hãy cho biết các đô thị nào sau đây có quy mô dân số

từ 500 001 – 1 000 000 người?

- A. Biên Hòa, Hải Phòng. B. Đà Nẵng, Hà Nội.
C. Hà Nội, Cần Thơ. D. Đà Nẵng, Biên Hòa.

Câu 19: Thế mạnh đặc biệt trong việc phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là do

- A. nguồn nước tưới đảm bảo quanh năm.
B. đất feralit trên đá vôi, đá phiến chiếm diện tích lớn.
C. nhiều giống cây trồng cận nhiệt và ôn đới.
D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh.

Câu 20: Mục đích nào sau đây là quan trọng nhất của nền nông nghiệp hàng hóa nước ta?

- A. Tạo ra nhiều lợi nhuận. B. Sản xuất ra nhiều loại sản phẩm.
C. Nâng cao chất lượng nguồn lao động. D. Đáp ứng nhu cầu tại chỗ.

Câu 21: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết các trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô rất lớn?

- A. Hà Nội, Hải Phòng. B. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.
C. Đà Nẵng, Nha Trang. D. TP. Hồ Chí Minh, Biên Hòa.

Câu 22: Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Bắc nước ta hiện nay là

- A. dầu mỏ. B. khí tự nhiên. C. than bùn. D. than đá.

Câu 23: Giao thông đường biển nước ta ngày càng phát triển chủ yếu là do

- A. thu hút nhiều khách du lịch quốc tế. B. mở rộng buôn bán với các nước.
C. ít chịu ảnh hưởng của thiên tai. D. nâng cao chất lượng lao động.

Câu 24: Ý nào sau đây đúng về cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn ở nước ta hiện nay?

- A. Tỷ lệ dân nông thôn và thành thị ít chênh lệch.
B. Tỷ lệ dân thành thị lớn hơn nông thôn.
C. Tỷ lệ dân nông thôn tăng nhanh.
D. Tỷ lệ dân thành thị tăng nhưng còn thấp.

Câu 25: Cho bảng số liệu sau:

DÂN SỐ VÀ TỈ LỆ DÂN SỐ NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 1995 - 2015.

Năm	1995	2000	2005	2010	2015
Dân số (triệu người)	71 995	77 635	83 106	86 932	91 709
Tỉ lệ tăng dân số (%)	1,65	1,36	1,31	1,07	1,08

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2017)

Để thể hiện dân số và tỉ lệ tăng dân số nước ta giai đoạn 1995- 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Kết hợp (cột - đường). B. Tròn. C. Đường. D. Miền.

Câu 26: Đặc điểm nào sau đây đúng với dân số nước ta?

- A. Phân bố dân cư đồng đều. B. Dân số còn tăng nhanh.
C. Cơ cấu dân số già. D. Ít thành phần dân tộc.

Câu 27: Nhận định nào sau đây **không đúng** với đặc điểm chăn nuôi gia súc ở Trung du và



miền núi Bắc Bộ?

- A. Trâu, bò thịt được nuôi rộng rãi.
- B. Bò sữa được nuôi tập trung ở Mộc Châu.
- C. Bò được nuôi nhiều hơn trâu.
- D. Đàn trâu lớn nhất cả nước.

Câu 28: Vùng nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất nước ta?

- A. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 29: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có giá trị sản xuất công nghiệp từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng?

- A. Cẩm Phả.
- B. Thái Nguyên.
- C. Hạ Long.
- D. Việt Trì.

Câu 30: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, hãy cho biết nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm trên sông nào sau đây?

- A. Gâm.
- B. Chảy.
- C. Đà.
- D. Lô.

Câu 31: Đặc điểm nào sau đây **không đúng** về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao.
- B. Công nhân kĩ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.
- C. Lực lượng lao động có trình độ cao còn ít.
- D. Trình độ lao động đang được nâng cao.

Câu 32: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, hãy cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có ngành công nghiệp khai thác than phát triển mạnh nhất?

- A. Thái Nguyên.
- B. Sơn La.
- C. Quảng Ninh.
- D. Hòa Bình.

Câu 33: Tác động mạnh nhất của quá trình đô thị hóa đến nền kinh tế nước ta là

- A. sử dụng nhiều lao động có trình độ chuyên môn.
- B. thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. tạo ra thị trường tiêu thụ sản phẩm lớn.
- D. tăng cường thu hút vốn đầu tư.

Câu 34: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây dẫn đến trình độ thâm canh cao ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất chật người đông, nhu cầu lương thực lớn.
- B. Để giải quyết tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm.
- C. Do nhu cầu của công nghiệp chế biến lương thực.

D. Để có đủ thức ăn cho chăn nuôi lợn và gia cầm.

Câu 35: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2014.

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2005	2009	2010	2014
Khai thác	1 987,9	2 280,5	2 414,4	2 920,4
Nuôi trồng	1 478,9	2 589,8	2 728,3	3 412,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

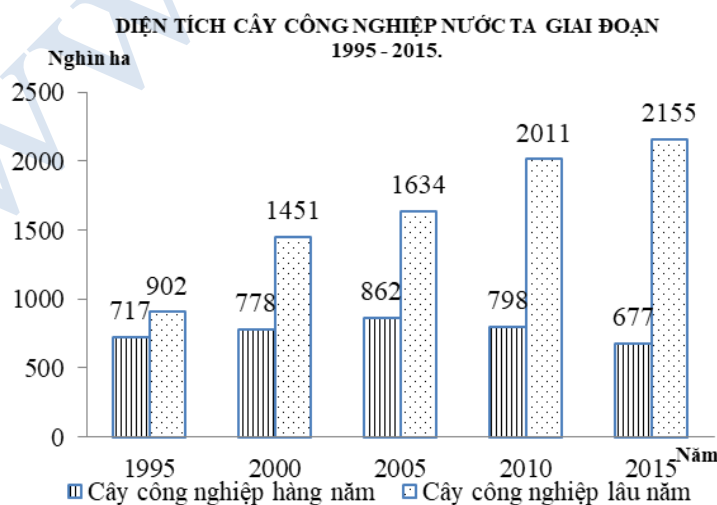
Nhận xét nào sau đây đúng với sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005 - 2014?

- A. Nuôi trồng tăng, khai thác giảm. B. Khai thác tăng, nuôi trồng giảm.
C. Khai thác tăng nhanh hơn nuôi trồng. D. Nuôi trồng tăng nhanh hơn khai thác.

Câu 36: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm thay đổi cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế ở nước ta?

- A. Kết quả của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
B. Phân bố lại dân cư giữa các vùng.
C. Kết quả của quá trình đô thị hóa.
D. Hội nhập kinh tế quốc tế.

Câu 37: Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2016, Nhà xuất bản Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây đúng với diện tích cây công nghiệp ở nước ta giai đoạn 1995 -



2015?

- A. Cây công nghiệp hàng năm giảm liên tục.
- B. Cây công nghiệp lâu năm luôn thấp hơn cây công nghiệp hàng năm.
- C. Cây công nghiệp hàng năm tăng nhanh hơn cây công nghiệp lâu năm.
- D. Cây công nghiệp lâu năm tăng liên tục.

Câu 38: Ở nước ta, cây công nghiệp nào sau đây **không phải** là cây trồng có nguồn gốc nhiệt đới?

- A. Chè.
- B. Cà phê.
- C. Hồ tiêu.
- D. Cao su.

Câu 39: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, hãy cho biết Việt Nam có giá trị xuất khẩu hàng hóa trên 6 tỉ đô la Mỹ với quốc gia nào sau đây?

- A. Liên bang Nga.
- B. Ôxtrâyliya.
- C. Trung Quốc.
- D. Hoa Kỳ.

Câu 40: Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho kim ngạch xuất khẩu của nước ta tăng nhanh?

- A. Sự phát triển của sản xuất và nhu cầu tiêu dùng.
- B. Nguồn lao động dồi dào, thiên nhiên ưu đãi.
- C. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên thuận lợi.
- D. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.

SỞ GD&ĐT ĐÀK LẮK
TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2
NĂM HỌC 2017 - 2018
MÔN ĐỊA LÍ – Khối lớp 12

Thời gian làm bài : 50 phút (không kể thời gian phát đề)

Họ và tên học sinh : Số báo danh :

Câu 41. Dựa vào Át lát địa lí trang 17 cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây **không** thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ:

- A.** Chân Mây- Lăng Cô. **B.** Vân Phong
C. Dung Quất **D.** Chu Lai

Câu 42. Hiện nay cơ cấu kinh tế nông thôn vùng ven biển Bắc Trung Bộ thay đổi chủ yếu dựa vào phát triển:

- A.** đánh bắt thủy sản
- B.** nghề thủ công truyền thống
- C.** nuôi trồng thủy sản nước lợ, nước mặn
- D.** công nghiệp khai khoáng

Câu 43. Dựa vào Át lát trang 15 và 20 cho biết năm 2007 bình quân thủy sản trên đầu người của nước ta là bao nhiêu kg/người:

- A. 38** **B. 42** **C. 48,5** **D. 49,3**

Câu 44. Sự khác biệt về bản chất của cán cân thương mại trước và sau Đổi mới của nước ta thể hiện chủ yếu ở:

- A.** giá trị hàng xuất khẩu **B.** thị trường xuất nhập khẩu
- C.** cơ cấu hàng nhập khẩu **D.** tổng giá trị xuất nhập khẩu

Câu 45. Dựa vào Át lát địa lí trang 28 cho biết đâu là các vịnh biển của Duyên hải Nam Trung Bộ:

- A.** Cửa Lục, Vân Phong, Xuân Đài.
B. Chân Mây, Vũng Áng, Cam Ranh
C. Vũng Áng, Đà Nẵng, Cam Ranh.
D. Đà Nẵng, Dung Quất, Cam Ranh

Câu 46. Dựa vào Atlas địa lí trang 21 cho biết nước ta có mấy trung tâm công nghiệp quy mô lớn:



A. 3

B. 5

C. 4

D. 2

Câu 47. Ba đỉnh của tam giác tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là:

A. Hải Phòng – Hải Dương - Hà Nội

B. Vĩnh Phúc - Hà Nội - Hải Phòng

C. Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh

D. Hà Nội - Hưng Yên - Vĩnh Phúc

Câu 48. Dựa vào Atlas địa lí trang 17 cho biết những tỉnh nào có cả khu kinh tế cửa khẩu và khu kinh tế ven biển :

A. Kiên Giang, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Quảng Ninh

B. Cần Thơ, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Nam

C. Đồng Tháp, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Cà Mau

D. Quảng Ninh, Quảng Bình, Hà Tĩnh, An Giang

Câu 49. Mục tiêu của khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ là:

A. nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ

B. đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng cao

C. đẩy mạnh đầu tư về vốn, công nghệ

D. nâng cao chất lượng nguồn lao động

Câu 50. Ở Tây Nguyên trên các cao nguyên cao 400- 500m khí hậu khá nóng thuận lợi trồng cây công nghiệp nào sau đây:

A. chè

B. cà phê

C. dâu tằm

D. hồi

Câu 51. Dựa vào Atlas địa lí trang 18 cho biết vùng nào nuôi trâu nhiều nhất nước ta:

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Tây Nguyên.

D. Trung du miền núi phía Bắc.

Câu 52. Để phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Bộ đạt hiệu quả cao hơn nữa giải pháp quan trọng nhất là:

A. thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn đất

B. áp dụng kĩ thuật canh tác tiên tiến

C. cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng

D. thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng

Câu 53. Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện phát triển cây có nguồn gốc cận nhiệt, ôn



đới là do:

- A. đất feralit diện tích lớn, khí hậu nhiệt đới gió mùa
- B. đất đai thích hợp, khí hậu có mùa đông lạnh và phân hóa đai cao.
- C. đất feralit đỏ vàng diện tích lớn và đất đỏ đá vôi màu mỡ.
- D. đất nâu đỏ trên đá vôi màu mỡ.

Câu 54. Khi phát triển công nghiệp đối với Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ ưu tiên trước hết là:

- A. hiện đại quy trình công nghệ trong sản xuất
- B. tăng cường cơ sở năng lượng cho vùng
- C. phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm
- D. nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Câu 55. Đối với đồng bằng sông Hồng đâu là ngành công nghiệp trọng điểm dựa trên lợi thế tài nguyên thiên nhiên:

- A. điện tử - tin học
- B. vật liệu xây dựng
- C. hóa chất - phân bón
- D. dệt may- giày da

Câu 56. Tuyến đường nào có vai trò thúc đẩy kinh tế xã hội dải phía Tây đất nước:

- A. đường Hồ Chí Minh
- B. quốc lộ 6
- C. quốc lộ 14
- D. quốc lộ 1.

Câu 57. Dựa vào Át lát địa lí trang 24 (biểu đồ xuất nhập khẩu hàng hóa qua các năm) cho biết nhận xét nào **không đúng**:

- A. cán cân thương mại nước ta luôn nhập siêu
- B. giá trị xuất khẩu luôn lớn hơn nhập khẩu.
- C. tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng liên tục.
- D. giá trị xuất khẩu tăng hơn 4 lần

Câu 58. Thế mạnh nổi bật nhất của Tây Bắc so với các vùng khác trong cả nước là:

- A. cây dược liệu
- B. cây dược liệu
- C. thủy điện
- D. nhiệt điện

Câu 59. Yếu tố cần quan tâm trước tiên để giá cây công nghiệp tiến dần đến ổn định là:

- A. nâng cao năng suất và chất lượng nông sản
- B. mở rộng diện tích.

- C. có nhiều chính sách ưu đãi với cây công nghiệp.
D. quy hoạch diện tích hợp lí với nhu cầu thị trường.

Câu 60. Loại đất có diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Hồng là:

- A. đất phù sa không được bồi đắp hàng năm
B. đất xám phù sa cổ
C. đất mặn
D. đất được bồi đắp phù sa hàng năm

Câu 61. Dựa vào Át lát trang 30 cho biết vùng kinh tế trọng điểm (VKTĐ) nào có tỉ trọng cao nhất trong GDP cả nước năm 2007:

- A. VKTĐ phía Bắc
B. VKTĐ miền Trung
C. VKTĐ đồng bằng sông Cửu Long
D. VKTĐ phía Nam

Câu 62. Điểm nào sau đây **không đúng** với Bắc Trung Bộ:

- A. phía Tây là vùng đồi núi thấp
B. có vùng biển rộng lớn phía Đông
C. có các đồng bằng rộng lớn phía đông
D. các tỉnh đều có nghề cá

Câu 63. Cho bảng số liệu sau:

Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta
(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	1995	2000	2006	2013
Chè	66,7	87,7	122,9	129,8
Cà phê	186,4	561,9	497,0	637,0
Cao su	278,4	412,0	522,2	958,8

Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện tốc độ tăng trưởng diện tích cây chè, cà phê, cao su :

- A. Biểu đồ tròn
B. Biểu đồ đường
C. Biểu đồ cột
D. Biểu đồ miền

Câu 64. Tác dụng của đánh bắt xa bờ với ngành thủy sản là:

- A. khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo
B. bảo vệ vùng trời
C. khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản
D. bảo vệ chủ quyền vùng biển và thềm lục địa nước ta



Câu 65. Hai tỉnh khô hạn nhất duyên hải Nam Trung Bộ là:

- A. Khánh Hòa, Bình Thuận
- B. Bình Thuận, Quảng Nam
- C. Ninh Thuận, Bình Thuận
- D. Phú Yên, Ninh Thuận

Câu 66. Công nghiệp khai thác dầu khí là ngành trọng điểm của vùng nào :

- A. Đông Nam Bộ
- B. Đồng bằng sông Cửu Long
- C. bằng sông Hồng
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 67. So với Bắc Trung Bộ, vùng duyên hải Nam Trung Bộ có:

- A. tiềm năng nuôi thủy sản kém hơn
- B. tiềm năng phát triển nông nghiệp hạn chế hơn
- C. tiềm năng du lịch biển hạn chế hơn
- D. tiềm năng phát triển cảng biển ít hơn

Câu 68. Tây Nguyên có thể mạnh tương đồng với Trung du và miền núi Bắc Bộ trong phát triển công nghiệp:

- A. vật liệu xây dựng
- B. hóa chất
- C. thủy điện
- D. luyện kim đen

Câu 69. Biểu hiện của khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp của Đông Nam Bộ là gì:

- A. phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả.
- B. đa dạng hóa cơ cấu cây trồng
- C. đẩy mạnh công nghiệp chế biến phục vụ xuất khẩu
- D. đẩy mạnh sản xuất lương thực

Câu 70. Giải pháp hàng đầu trong cải tạo tự nhiên của Đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. chuyển dịch cơ cấu kinh tế
- B. có biện pháp sống chung với lũ
- C. bảo vệ rừng ngập mặn
- D. cung cấp nước ngọt vào mùa khô

Câu 71. Mô hình kinh tế đang phát triển để đưa nông nghiệp nước ta lên sản xuất hàng hóa là:

- A. hộ gia đình
- B. trang trại
- C. hợp tác xã.
- D. doanh nghiệp nông lâm thủy sản

Câu 72. Bể trầm tích nào có nhiều mỏ dầu nhất đã được khai thác ở nước ta:

- A. Nam Côn Sơn B. Phú Khánh. C. Sông Hồng D. Cửu Long

Câu 73. Cơ cấu ngành trồng trọt nước ta đang chuyển dịch theo xu hướng nào:

- A. cây lương thực tăng, cây công nghiệp giảm.
B. cây rau đậu và cây công nghiệp tăng, cây lương thực giảm.
C. cây công nghiệp giảm, cây lương thực và rau đậu tăng
D. cây công nghiệp tăng, cây lương thực ổn định.

Câu 74. Với một mùa đông lạnh có mưa phùn đồng bằng sông Hồng có lợi thế để:

- A. phát triển vụ đông B. trồng cây công nghiệp dài ngày
C. tăng thêm 1 vụ lúa D. nuôi trâu quy mô lớn

Câu 75. Thứ tự các vùng có diện tích từ nhỏ đến lớn:

- A. Trung du miền núi phía bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ
C. Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.
D. Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Đông Nam Bộ.

Câu 76. Vùng nào của nước ta có nhiều ngư trường trọng điểm nhất cả nước:

- A. Đông Nam Bộ B. Đồng bằng sông Cửu Long
C. bằng sông Hồng D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 77. Dựa vào Át lát địa lí trang 22 cho biết nhận xét nào sau đây **không đúng** về cơ cấu ngành công nghiệp giai đoạn 2000- 2005:

- A. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng tăng, công nghiệp năng lượng giảm.
B. công nghiệp dệt may tăng, giấy in văn phòng phẩm giảm.
C. công nghiệp năng lượng giảm, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm cao nhưng chưa ổn định
D. công nghiệp năng lượng tăng, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng giảm.

Câu 78. Cho bảng số liệu sau

DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ QUA CÁC NĂM

Đơn vị: nghìn ha

Năm	Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
-----	---------------	------------	---------

2005	2942,1	2349,3	2037,8
2010	3085,9	2436,0	1967,5
2014	3116,5	2734,1	1965,6

Căn cứ vào bảng số liệu cho biết nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa theo mùa vụ qua các năm:

- A. lúa đông xuân tăng, lúa hè thu giảm
- B. lúa đông xuân tăng, lúa mùa giảm
- C. lúa đông xuân tăng nhanh hơn lúa hè thu
- D. lúa đông xuân giảm, lúa hè thu tăng

Câu 79. Dựa vào Atlas địa lí trang 26,27,28,29 cho biết vùng nào có tỉ trọng nông nghiệp cao nhất trong cơ cấu kinh tế năm 2007:

- A. Đồng bằng sông Cửu Long
- B. Tây Nguyên.
- C. Đông Nam Bộ
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 80. Tỉnh **không thuộc** vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc là:

- A. Bắc Giang
- B. Bắc Ninh
- C. Hải Dương
- D. Quảng Ninh

----- **HẾT** -----

SỞ GD & ĐT LONG AN

ĐỀ THI HỌC KÌ 2 – NĂM HỌC 2017 - 2018

TRƯỜNG THPT THANH HÓA

MÔN ĐỊA LÝ LỚP 12

Thời gian làm bài : 45 Phút; (Đề có 37 câu)

Họ tên : Số báo danh :

Phần I: Trắc nghiệm (9đ)

Câu 1: Quan sát atlas trang vùng kinh tế cho biết Tây Nguyên **không** giáp vùng kinh tế hoặc quốc gia nào sau đây?

- A.** Duyên hải Nam TRung Bộ. **B.** Đồng bằng Sông Hồng.
C. Campuchia. **D.** Đông Nam Bộ.

Câu 2: Quan sát at lat trang vùng kinh tế cho biết tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng đồng bằng Sông Cửu Long?

- A. Bình Phước.** **B. Cần Thơ.** **C. Trà Vinh.** **D. Long An.**

Câu 3: Nhóm công nghiệp chế biến nước ta có bao nhiêu ngành?

- A. 23.** **B. 25.** **C. 24.** **D. 26.**

Câu 4: Đây là tài nguyên du lịch nhân văn?

- A.** Vịnh Hạ Long. **B.** Biển Thiên Cầm.
- C.** Vườn quốc gia Cát Tiên. **D.** Phố cổ Hội An.

Câu 5: Quan sát atlas vùng kinh tế cho biết đồng bằng Sông Cửu Long giáp với vùng kinh tế nào?

- A.** Đông Nam Bộ.
- B.** Đồng bằng Sông Hồng.
- C.** Bắc trung bộ.
- D.** Trung du miền núi bắc bộ.

Câu 6: Nhóm công nghiệp sản xuất phân phối điện khí đốt của nước ta có bao nhiêu ngành?

- A. 1.** **B. 2.** **C. 3.** **D. 4.**

Câu 7: Nhóm công nghiệp khai thác nước ta có bao nhiêu ngành?

- A. 7.** **B. 6.** **C. 5.** **D. 4.**

Câu 8: Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về chính sách dân số và sử dụng nguồn lao động nước ta?

- A.** Không đào tạo và xuất khẩu lao động.
- B.** Đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình.
- C.** Phân bố lại dân cư, lao động.
- D.** Đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở trung du miền núi.



Câu 9: Quan sát atlas trang vùng kinh tế cho biết tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Tây Nguyên?

- A. Phú Yên. B. Gia Lai. C. Đắk Nông. D. Kom Tum.

Câu 10: Thực hiện chính sách về dân số ở nước ta mỗi gia đình có bao nhiêu người con?

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 11: Theo cách phân loại hiện hành nước ta có 3 nhóm với bao nhiêu ngành công nghiệp?

- A. 28. B. 29. C. 26. D. 27.

Câu 12: Hoạt động nội thương vào năm 2005 khu vực ngoài nhà nước chiếm thị phần là bao nhiêu?

- A. 86,3%. B. 85,3%. C. 83,3%. D. 84,3%.

Câu 13: Tỉnh có diện tích trồng chè lớn nhất cả nước là?

- A. Lâm Đồng. B. Gia Lai. C. Kom Tum. D. Đắk Lắk.

Câu 14: Huyện đảo phú quý thuộc chủ quyền quản lý của tỉnh nào?

- A. Quảng Ngãi. B. Bình Thuận. C. Hải Phòng. D. Quảng Trị.

Câu 15: Đây là sản phẩm cây công nghiệp quan trọng số một của Tây Nguyên?

- A. Hồ tiêu. B. Cao su. C. Chè. D. Cà phê.

Câu 16: Độ muối trung bình của vùng biển nước ta là bao nhiêu?

- A. 35-36 phần nghìn. B. 36-37 phần nghìn.

- C. 33-34 phần nghìn. D. 30-33 phần nghìn.

Câu 17: Hằng năm các cánh đồng muối nước ta cung cấp khoảng bao nhiêu nghìn tấn muối.

- A. 600. B. 700. C. 900. D. 800.

Câu 18: Ngành du lịch nước ta phát triển mạnh mẽ vào giai đoạn nào?

- A. Những năm 70 của thế kỉ XX.
B. Những năm 80 của thế kỉ XX.
C. Những năm 90 của thế kỉ XX đến nay.
D. Những năm 60 của thế kỉ XX.

Câu 19: Nhà máy thủy điện Drây H'Linh có công suất là bao nhiêu?

- A. 14 MW. B. 12 MW. C. 13 MW. D. 15MW.

Câu 20: Đến năm 2006 nước ta có bao nhiêu huyện đảo?

- A. 10 huyện đảo. B. 9 huyện đảo. C. 12 huyện đảo. D. 11 huyện đảo.

Câu 21: Theo thống kê năm 2005 tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực ngoài nhà nước của nước ta là?

- A. 33,2%. B. 32,2%. C. 34,2%. D. 31,2%.



Câu 22: Nhà máy thủy điện Đa Nhim có công suất là bao nhiêu?

- A. 160 MW. B. 170 MW. C. 180 MW. D. 190 MW.

Câu 23: Theo thống kê năm 2006 thì số dân nước ta là bao nhiêu?

- A. 86 156 nghìn người. B. 87 156 nghìn người.

- C. 85 156 nghìn người. D. 84 156 nghìn người.

Câu 24: Theo thống kê năm 2005 tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực nhà nước của nước ta là bao nhiêu?

- A. 28,1%. B. 25,1%. C. 26,1%. D. 27,1%.

Câu 25: Theo thống kê năm 2005 tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài của nước ta là bao nhiêu?

- A. 45,7%. B. 44,7%. C. 43,7%. D. 46,7%.

Câu 26: Thuộc vùng biển nước ta có hơn bao nhiêu đảo lớn nhỏ?

- A. 3000. B. 2000. C. 4000. D. 1000.

Câu 27: Huyện đảo Trường Sa thuộc chủ quyền quản lý của tỉnh nào?

- A. Khánh Hòa. B. Đà Nẵng. C. Kiên Giang. D. Quảng Ninh.

Câu 28: Dân số nước ta đứng thứ mấy ở khu vực Đông Nam Á?

- A. 3. B. 6. C. 4. D. 5.

Câu 29: Dựa vào atlas trang dân số cho biết đô thị nào sau đây có quy mô dân số trên 1 000 000 người?

- A. Cần Thơ. B. Thái Nguyên. C. Đà Nẵng. D. Hà Nội.

Câu 30: Dựa vào atlas trang thương mại cho biết cơ cấu giá trị xuất nhập khẩu nguyên, nhiên, vật liệu năm 2007 là bao nhiêu?

- A. 66,0%. B. 65,0%. C. 67,0%. D. 64,0%.

Câu 31: Dựa vào atlas trang thương mại cho biết tỉnh nào sau đây có tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo đầu người dưới 4 triệu đồng?

- A. Tây Ninh. B. Khánh Hòa. C. Kon Tum. D. Bình Thuận.

Câu 32: Dựa vào atlas trang di lịch cho biết đâu là trung tâm du lịch quốc gia?

- A. Cần Thơ. B. Đà Nẵng. C. Vinh. D. Hải Phòng.

Câu 33: Dựa vào atlas trang du lịch cho biết doanh thu từ du lịch năm 2007 của nước ta là bao nhiêu?

- A. 17,4 nghìn tỉ đồng. B. 56 nghìn tỉ đồng.

- C. 30 nghìn tỉ đồng. D. 8 nghìn tỉ đồng.

Câu 34: Dựa vào atlas vùng kinh tế tây nguyên cho biết đâu là nhà máy thủy điện trên sông xênan?

- A. Drây H'Linh. B. Yaly. C. Sông Hinh. D. Đa Nhim.

Câu 35: Dựa vào atlas trang dân số cho biết dân số thành thị năm 2007 của nước ta là bao



nhiều?

A. 26,37 triệu người.

B. 24,37 triệu người.

C. 25,37 triệu người.

D. 23,37 triệu người.

Câu 36: Dựa vào atlas trang dân số cho biết dân số nông thôn năm 2007 của nước ta là bao nhiêu?

A. 63,80 triệu người.

B. 62,80 triệu người.

C. 61,80 triệu người.

D. 64,80 triệu người.

Phần II: Tự luận (1đ)

Phân tích thế mạnh tài nguyên đất của vùng Đồng bằng Sông Cửu Long?



Website **HOC247** cung cấp một môi trường **học trực tuyến** sinh động, nhiều **tiện ích thông minh**, nội dung bài giảng được biên soạn công phu và giảng dạy bởi những **giáo viên nhiều năm kinh nghiệm, giỏi về kiến thức chuyên môn lẫn kỹ năng sư phạm** đến từ các trường Đại học và các trường chuyên danh tiếng.

I. Luyện Thi Online

Học mọi lúc, mọi nơi, mọi thiết bị – Tiết kiệm 90%

- **Luyện thi ĐH, THPT QG:** Đội ngũ **GV Giỏi, Kinh nghiệm** từ các Trường ĐH và THPT danh tiếng xây dựng các khóa **luyện thi THPTQG** các môn: Toán, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Vật Lý, Hóa Học và Sinh Học.
- **Luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán:** Ôn thi **HSG lớp 9** và **luyện thi vào lớp 10 chuyên Toán** các trường **PTNK, Chuyên HCM (LHP-TĐN-NTH-GĐ), Chuyên Phan Bội Châu Nghệ An** và các trường Chuyên khác cùng **TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Trịnh Thanh Đèo và Thầy Nguyễn Đức Tấn**.

II. Khoá Học Nâng Cao và HSG

Học Toán Online cùng Chuyên Gia

- **Toán Nâng Cao THCS:** Cung cấp chương trình Toán Nâng Cao, Toán Chuyên dành cho các em HS THCS lớp 6, 7, 8, 9 yêu thích môn Toán phát triển tư duy, nâng cao thành tích học tập ở trường và đạt điểm tốt ở các kỳ thi HSG.
- **Bồi dưỡng HSG Toán:** Bồi dưỡng 5 phân môn **Đại Số, Số Học, Giải Tích, Hình Học và Tổ Hợp** dành cho học sinh các khối lớp 10, 11, 12. Đội ngũ Giảng Viên giàu kinh nghiệm: **TS. Lê Bá Khánh Trình, TS. Trần Nam Dũng, TS. Phạm Sỹ Nam, TS. Lưu Bá Thắng, Thầy Lê Phúc Lữ, Thầy Võ Quốc Bá Cẩn** cùng đội HLV đạt thành tích cao HSG Quốc Gia.

III. Kênh học tập miễn phí

*HOC247 NET cộng đồng học tập miễn phí
HOC247 TV kênh Video bài giảng miễn phí*

- **HOC247 NET:** Website học miễn phí các bài học theo **chương trình SGK** từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn học với nội dung bài giảng chi tiết, sửa bài tập SGK, luyện tập trắc nghiệm miễn phí, kho tư liệu tham khảo phong phú và cộng đồng hỏi đáp sôi động nhất.
- **HOC247 TV:** Kênh **Youtube** cung cấp các Video bài giảng, chuyên đề, ôn tập, sửa bài tập, sửa đề thi miễn phí từ lớp 1 đến lớp 12 tất cả các môn Toán- Lý - Hoá, Sinh- Sử - Địa, Ngữ Văn, Tin Học và Tiếng Anh.